

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 12-11-2019.
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đức;

Ông Nguyễn Quang Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 464/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích L, sinh năm 1973; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố L D, thị trấn T B, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Bích L trình bày:

Chị và anh T tự chung sống với nhau vào năm 1988, không có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Chị và anh T chung sống tại nhà riêng của anh T tại khu phố L D, thị trấn T B đến năm 1989 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình của vợ chồng không còn hoà hợp nên thường gây

gỗ nhau. Năm 1990, chị đưa con về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân chị và anh T không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên: Phạm Thành L, sinh ngày 01-5-1989, hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh T đến Toà lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên toà nhưng anh T cố tình vắng mặt nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Bích L và anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Cháu Phạm Thành L, sinh ngày 01-5-1989 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Năm 1989, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ năm 1990 đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn, đồng thời chị có nộp cho Tòa án đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn T B về việc chị chung sống với anh T nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T.

[3] Về con chung: Chị L trình bày chị và anh T có một con chung là cháu Phạm Thành L, sinh ngày 01-5-1989. Hiện cháu L đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Bích L và anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Cháu Phạm Thành L, sinh ngày 01-5-1989 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Phạm Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017333 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị L đã nộp đủ án phí.

5. Báo cho chị L biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc

